



Azo-Core TBF 20-60

Phiếu An toàn Hóa chất

theo Thông tư 17/2022/TT-BCT
Ngày phát hành: 23/06/2025 Phiên bản: 1.0

MỤC 1: Mã phân loại sản phẩm theo GHS hoặc các nhận dạng khác của sản phẩm/hóa chất

1.1. Mã phân loại sản phẩm theo GHS hoặc các nhận dạng khác của sản phẩm/hóa chất

Hình thức sản phẩm : Hỗn hợp
Tên thương mại : Azo-Core TBF 20-60
Mã sản phẩm : TBF 20-60BLK

1.2. Mục đích sử dụng và hạn chế khi sử dụng

Khuyến cáo sử dụng : Polyme chắn nhiệt (Phần B)

1.3. Thông tin nhà cung cấp

Nhà sản xuất
Azon USA Inc.
2204 Ravine Rd
49004 Kalamazoo Michigan
USA
T 269-385-5942

Nhà sản xuất
Azon Asia Inc.
168 Joongwon Ind Rd. Judeok
CB 27459 KOR Chungju
South Korea
T +82 (0) 43 840 0500

1.4. Số điện thoại liên hệ trong trường hợp khẩn cấp

Số khẩn cấp : Để được tư vấn đa ngôn ngữ suốt 24/7 về việc tràn, rò rỉ, hỏa hoạn, phơi nhiễm hoặc tai nạn, hãy gọi CHEMTREC theo số +65 3163 8374 (Singapore, đa ngôn ngữ) và cung cấp CCN 2189
Số điện thoại khẩn cấp dự phòng: +1-703-527-3887 (Hoa Kỳ, Chỉ Anh ngữ)

MỤC 2: Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

2.1. Phân loại theo GHS

Phân loại theo thông tư 32/2017/TT-BCT

Độc tính cấp tính (miệng), Nhóm 5
Độc tính cấp tính (da), Nhóm 5

Có thể có hại nếu nuốt phải.

Có thể có hại khi tiếp xúc với da.

2.2. Các yếu tố nhãn theo GHS

Từ cảnh báo (GHS VN) : Cảnh báo
Chứa : Glycerin propylen oxit
Cảnh báo nguy cơ (GHS VN) : H303+H313 - Có thể có hại nếu ăn phải hoặc tiếp xúc với da

Biện pháp phòng ngừa (GHS VN) : P312 - Gọi trung tâm chống độc hoặc bác sĩ /nhân viên y tế nếu bạn thấy không khỏe

2.3. Các thông tin nguy hại khác

Hiện chưa có thông tin bổ sung

MỤC 3: Thông tin về thành phần các chất

3.1. Đơn chất

Không áp dụng được

Azo-Core TBF 20-60

Phiếu An toàn Hóa chất

theo Thông tư 17/2022/TT-BCT

3.2. Hỗn hợp chất

Tên	Nhận dạng sản phẩm	%	Phân loại theo thông tư 32/2017/TT-BCT
Glyxerin propylen oxit	Số CAS: 25791-96-2	45 – 55	Độc cấp tính 5 (Miệng), H303 Độc cấp tính 5 (Da), H313 STOT RE Not classified Aquatic Acute Not classified Aquatic Chronic Not classified

Văn bản các câu H: tham khảo mục 16

MỤC 4: Biện pháp sơ cứu về y tế

4.1. Mô tả biện pháp sơ cứu

Sơ cứu tổng quát	: Nhân viên cứu hộ : đảm bảo an toàn cho chính bạn. Không bao giờ cho bất cứ chất gì vào miệng của một người đang bất tỉnh. Hỗ trợ hô hấp nếu cần. Sử dụng biện pháp hô hấp nhân tạo bằng mặt nạ có lắp van một chiều hoặc thiết bị phù hợp khác nhưng không hô hấp bằng miệng. TRONG TRƯỜNG HỢP có phơi nhiễm hoặc liên quan: Liên hệ với bác sĩ để được tư vấn và theo dõi.
Sơ cứu trong trường hợp hít phải	: Nếu nạn nhân gặp khó khăn trong việc thở, đưa ra ngoài không khí thoáng và giữ nạn nhân nằm nghỉ ở tư thế dễ thở nhất. Trong trường hợp có triệu chứng hô hấp bất thường : Liên lạc ngay với trung tâm hỗ trợ giải độc hoặc gọi cho bác sĩ.
Sơ cứu trong trường hợp tiếp xúc với da	: Tháo bỏ quần áo bị dính sản phẩm và vệ sinh các phần da bị ảnh hưởng với xà phòng và nước, sau đó rửa lại bằng nước nóng. Trong trường hợp có kích ứng da: Liên hệ bác sĩ để được tư vấn/theo dõi. Giặt lại quần áo bị phơi nhiễm trước khi tái sử dụng.
Sơ cứu khi có tiếp xúc với mắt	: TRONG TRƯỜNG HỢP CÓ TIẾP XÚC VỚI MẮT: rửa lại với nước một cách cẩn trọng liên tục trong vòng vài phút. Tháo kính sát tròng nếu nạn nhân có mang kính và có thể tháo dễ dàng. Tiếp tục rửa mắt. Nếu kích ứng mắt kéo dài: Liên lạc với bác sĩ để được tư vấn/theo dõi.
Sơ cứu trong trường hợp nuốt phải	: Enjuagarse la boca. Không làm nôn. Nếu nôn xảy ra, đầu phải được giữ ở mức thấp để chất nôn không vào phổi. Liên hệ với bác sĩ để được tư vấn/theo dõi.

4.2. Các triệu chứng/tác hại nghiêm trọng tức thời và ảnh hưởng sau này

Triệu chứng/tác dụng sau khi hít phải	: Không được xem như nguy hiểm khi hít phải trong điều kiện sử dụng thường.
Triệu chứng/tác dụng sau khi tiếp xúc với da	: Có thể gây kích ứng nhẹ.
Triệu chứng/tác dụng sau khi tiếp xúc với mắt	: Có thể gây kích ứng nhẹ.
Triệu chứng/tác dụng sau khi nuốt phải	: Có thể gây kích ứng đường tiêu hóa.

4.3. Các chỉ thị và hướng dẫn cấp cứu đặc biệt cần thiết

Ý kiến y khoa khác hoặc điều trị	: TRONG TRƯỜNG HỢP có phơi nhiễm hoặc liên quan: Liên hệ với bác sĩ để được tư vấn và theo dõi.
----------------------------------	---

MỤC 5: Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

5.1. Các phương tiện chữa cháy thích hợp

Chất chữa cháy thích hợp	: Hóa chất khô, CO2 hoặc nước phun hoặc chất bột thông thường.
Tác nhân tiêu hủy không tương ứng	: Chưa hề được biết.

5.2. Các chất độc được sinh ra khi bị cháy

Nguy cơ hỏa hoạn	: Không có nguy cơ gây cháy.
Biện pháp chung	: Tránh mọi tiếp xúc cá nhân bao gồm cả việc hít thở sương, khí dung, hơi. Không thực hiện các hành động liên quan đến rủi ro cá nhân. Thấm mọi chất bị vương đổ nhằm tránh sự cố gây hư hại vật chất. Chặn ngay việc rò rỉ nếu có thể làm một cách an toàn. Thông báo cho các cấp chính quyền nếu sản phẩm rơi vào hệ thống cống rãnh hay nước công cộng.
Phản ứng	: Sản phẩm không mang tính kích hoạt trong điều kiện sử dụng, kho trữ và vận chuyển thông thường.

Azo-Core TBF 20-60

Phiếu An toàn Hóa chất

theo Thông tư 17/2022/TT-BCT

Sản phẩm phân hủy nguy hiểm trong trường hợp có hỏa hoạn : Có thể giải phóng khói độc. Cacbon đioxit. Cacbon monoxit. Oxit nitơ.

5.3. Phương tiện, trang phục bảo hộ và cảnh báo cần thiết khi chữa cháy

Hướng dẫn cứu hỏa : Dập lửa ở khoảng cách an toàn tại vị trí đảm bảo. Không đi vào khu vực có lửa mà không trang bị bảo hộ, bao gồm cả thiết bị bảo vệ đường hô hấp. Di chuyển các thùng chứa khỏi khu vực cháy nếu việc này có thể làm được mà không nguy hiểm cho mọi người. Làm nguội thùng chứa bị ảnh hưởng bằng nước phun hay màng nước. Tránh không cho nước sử dụng vào việc dập lửa làm nhiễm độc môi trường.

MỤC 6: Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố

6.1. Trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó sự cố

Biện pháp chung : Tránh mọi tiếp xúc cá nhân bao gồm cả việc hít thở sương, khí dung, hơi. Không thực hiện các hành động liên quan đến rủi ro cá nhân. Thẩm mọi chất bị vương đổ nhằm tránh sự cố gây hư hại vật chất. Chặn ngay việc rò rỉ nếu có thể làm một cách an toàn. Thông báo cho các cấp chính quyền nếu sản phẩm rơi vào hệ thống cống rãnh hay nước công cộng.

6.1.1. Dành cho cá nhân không mang chức năng cứu hộ

Thiết bị bảo hộ : Mang thiết bị bảo hộ cá nhân được khuyến cáo.
Biện pháp cấp cứu : Cho giải tán khu vực nguy hiểm. Nếu có thể mà không phải chịu rủi ro cá nhân, Tránh xa mọi nguồn bắt cháy. Nếu đang ở ngoài trời, hãy di chuyển đến khu vực ở phía đầu gió so với vùng nguy hiểm. Ngăn không cho những người không có nhiệm vụ khẩn cấp vào khu vực nguy hiểm. Chỉ các nhân viên có kỹ năng và được trang bị đầy đủ thiết bị bảo hộ theo yêu cầu mới được can thiệp.

6.1.2. Dành cho cứu hộ viên

Thiết bị bảo hộ : Không can thiệp khi không được trang bị bảo hộ thích hợp. Để biết thêm chi tiết, tham khảo mục 8 "Giới hạn tiếp xúc-an toàn cá nhân".
Biện pháp cấp cứu : Cho những nhân viên không cần thiết ra ngoài. Chặn ngay việc rò rỉ nếu có thể làm một cách an toàn. Ngăn chặn nước chảy vào cống rãnh, đường ống thoát nước hoặc đường thủy.

6.2. Các cảnh báo về môi trường

Tránh thải ra môi trường. Thông báo cho các cấp chính quyền nếu sản phẩm rơi vào hệ thống cống rãnh hay nước công cộng.

6.3. Biện pháp, vật liệu vệ sinh sau khi xảy ra sự cố

Dùng để chứa : Không chế bằng chất thấm ướt không cháy. Giữ không cho phần sản phẩm vương đổ lan tràn bằng cách lấp hoặc bằng cách sử dụng các vật liệu thấm hút để ngăn không cho lan vào cống rãnh hoặc nguồn nước. Ngăn việc rò rỉ một cách an toàn nhất nếu có thể.
Quy trình làm sạch : Thấm bằng chất thấm ướt không cháy và cho vào thùng để xử lý. Khử nhiễm bề mặt và thiết bị bằng nước và chất tẩy rửa. Xử lý vật liệu thu gom càng sớm càng tốt theo quy định hiện hành của địa phương/khu vực/quốc gia/quốc tế.

MỤC 7: Yêu cầu về sử dụng, bảo quản

7.1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm

Biện pháp phòng ngừa cần có cho thao tác an toàn : Đảm bảo thông thoáng nơi làm việc. Đeo thiết bị bảo vệ cá nhân. Tránh hít khí dung, sương, hơi. Tránh tiếp xúc với mắt, da hoặc quần áo.
Biện pháp vệ sinh : Rửa tay sau mỗi lần thao tác
Không được ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm trên.
Giặt lại quần áo bị phơi nhiễm trước khi tái sử dụng.

7.2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản

Điều kiện lưu trữ : Dự trữ nơi mát, khô và thông gió, cách xa những chất không thích hợp . Bảo vệ tránh khỏi tia nắng mặt trời. Bảo quản thùng chứa đóng kín. Khóa lại.
Chất không tương hợp : Chất oxi hóa. Axit.
Vật liệu đóng gói : Luôn bảo quản sản phẩm trong bao bì cùng chất với bao bì gốc.

Azo-Core TBF 20-60

Phiếu An toàn Hóa chất

theo Thông tư 17/2022/TT-BCT

MỤC 8: Kiểm soát phơi nhiễm/yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân

8.1 Các thông số kiểm soát

Hiện chưa có thông tin bổ sung

8.2. Các biện pháp kiểm soát thiết bị phù hợp

Kiểm tra kỹ thuật theo quy định : Đảm bảo thông thoáng nơi làm việc. Sản phẩm cần được thao tác theo đúng các nguyên tắc vệ sinh công nghiệp và quy trình an toàn. Các dụng cụ rửa mắt khẩn cấp và vòi tắm khẩn cấp phải được trang bị gần mọi khu vực có thể bị phơi nhiễm.

8.3. Biện pháp và thiết bị bảo hộ cá nhân

Trang thiết bị bảo hộ cá nhân:

Thiết bị bảo vệ cá nhân phải được lựa chọn theo tiêu chuẩn quốc gia và phải thảo luận với nhà cung cấp thiết bị bảo vệ. Mang thiết bị bảo hộ cá nhân được khuyến cáo.

Bảo vệ tay:

Găng bảo hộ. Mang găng tay thích hợp kháng hóa chất

Bảo vệ mắt:

Mắt kính chống hoá chất hay mắt kính bảo hộ

Bảo vệ da và cơ thể:

Trang bị quần áo bảo hộ thích hợp

Bảo vệ đường hô hấp:

Khi việc thông gió tại nơi làm việc không đủ, cần mang thiết bị hỗ trợ hô hấp. Thiết bị thở độc lập

(Các) Ký hiệu thiết bị bảo hộ cá nhân:



Kiểm soát mức độ phơi nhiễm với môi trường : Tránh thải ra môi trường. Hãy thực hiện các biện pháp giảm thiểu hoặc hạn chế việc phát thải khí và thải ra đất cũng như môi trường nước.

MỤC 9: Đặc tính lý, hóa của hóa chất

Trạng thái vật lý	: Chất lỏng
Điểm sôi	: Không có thông tin
Màu sắc	: Màu đen
Điểm nóng chảy	: Không có thông tin
Mùi đặc trưng	: Nhẹ
Điểm cháy	: > 93,3 °C / 200 °F
Áp suất hóa hơi	: Không có thông tin
Nhiệt độ tự cháy	: Không có thông tin
Mật độ hơi nước tương đối ở 20°C	: Không có thông tin
Giới hạn nổ	: Không có thông tin
Độ hòa tan	: Hòa tan ít trong : Nước.
pH	: Không có thông tin
Mật độ	: Không có thông tin

Loại khác

Tính bất lửa (rắn, khí) : Không áp dụng được

Azo-Core TBF 20-60

Phiếu An toàn Hóa chất

theo Thông tư 17/2022/TT-BCT

Mật độ tương đối : 1,048 – 1,054 @ 25 °C / 77 °F
Độ nhớt, động lực : 400 – 500 cP @ 25 °C / 77 °F

MỤC 10: Mức ổn định và phản ứng của hóa chất

Khả năng phản ứng : Sản phẩm không mang tính kích hoạt trong điều kiện sử dụng, kho trữ và vận chuyển thông thường
Tính ổn định : Ổn định ở điều kiện sử dụng thường.
Phản ứng nguy hiểm : Không có phản ứng nguy hiểm được biết đến trong điều kiện sử dụng bình thường.
Các điều kiện cần tránh : Chất không tương hợp.
Vật liệu không tương thích : Chất oxi hóa,Axit
Phản ứng phân hủy và các sản phẩm độc của phản ứng phân hủy : Không bắt cứ sản phẩm phân hủy mang tính chất nguy hiểm nào được bảo quản hoặc sử dụng trong điều kiện thường. Phân hủy nhiệt có thể tạo : Cacbon đioxit. Cacbon monoxit. Oxit nitơ.

MỤC 11: Thông tin về độc tính

11.1. Độc cấp tính

Độc độc cấp tính (qua đường tiêu hóa) : Có thể có hại nếu nuốt phải.
Độc độc cấp tính (qua da) : Có thể có hại khi tiếp xúc với da.
Độc độc cấp tính (qua đường hô hấp) : Không phân loại.

Glyxerin propylen oxit (25791-96-2)

LD50 qua tiêu hóa chuột	> 2000 mg/kg thể trọng
LD50 qua da thỏ	> 2000 mg/kg thể trọng

Ăn mòn/kích ứng da : Không phân loại
Tổn thương nghiêm trọng/ kích ứng mắt : Không phân loại
Tác nhân nhạy hô hấp/ Tác nhân nhạy da : Không phân loại
Đột biến tế bào mầm : Không phân loại
Tác nhân gây ung thư : Không phân loại
Độc tính sinh sản : Không phân loại

Glyxerin propylen oxit (25791-96-2)

NOAEL (động vật/giống đực, F0/P)	≥ 1000 mg/kg thể trọng
NOAEL (động vật/giống cái, F0/P)	300 mg/kg thể trọng

Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm đơn : Không phân loại
Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm lặp lại : Không phân loại

Glyxerin propylen oxit (25791-96-2)

NOAEL (tiêu hóa, chuột, 90 ngày)	≥ 1000 mg/kg thể trọng
----------------------------------	------------------------

Nguy hại hô hấp : Không phân loại

MỤC 12: Thông tin về sinh thái

12.1. Độc môi trường

Sinh thái - tổng quát : Chất trên được xem như không có hại cho các sinh vật thủy sinh và không gây tác dụng tiêu cực về lâu dài cho môi trường.
Nguy hại cho môi trường thủy sinh, ngắn hạn (cấp) : Không phân loại.
Nguy hại cho môi trường thủy sinh, lâu dài (mãn) : Không phân loại.

Glyxerin propylen oxit (25791-96-2)

LC50 - Cá [1]	218000 mg/l
EC50 - Giáp xác [1]	> 100 mg/l
EC50 72h - Tảo [1]	> 100 mg/l

Azo-Core TBF 20-60

Phiếu An toàn Hóa chất

theo Thông tư 17/2022/TT-BCT

Glyxerin propylen oxit (25791-96-2)	
LOEC (mẫn tính)	> 10 mg/l
NOEC (kinh niên)	≥ 10 mg/l

12.2. Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy

Azo-Core TBF 20-60	
Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy	Không phân hủy nhanh
Glyxerin propylen oxit (25791-96-2)	
Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy	Không phân hủy nhanh

12.3. Khả năng tích lũy sinh học

Azo-Core TBF 20-60	
Khả năng tích lũy sinh học	Hiện chưa có thông tin bổ sung

12.4. Độ linh động trong đất

Azo-Core TBF 20-60	
Tính lưu động dưới đất	Hiện chưa có thông tin bổ sung

12.5. Các tác hại khác

Các tác dụng có hại khác : Hiện chưa có thông tin bổ sung

MỤC 13: Thông tin về thải bỏ

Phương pháp xử lý chất thải	: Tiêu hủy sản phẩm/bình chứa theo đúng hướng dẫn phân loại của bên xử lý được công nhận.
Khuyến cáo cho việc xử lý nước thải	: Việc tiêu hủy cần thực hiện đúng theo các quy định hợp pháp.
Các khuyến cáo về việc xử lý sản phẩm/bao bì	: Việc tiêu hủy cần thực hiện đúng theo các quy định hợp pháp. Tiêu hủy sản phẩm và thùng chứa của nó tại trung tâm xử lý chất thải nguy hiểm hoặc chất thải đặc biệt. Nên tham khảo các biện pháp hoặc quy định quốc tế, quốc gia hoặc của địa phương.
Thông tin chất thải sinh thái	: Tránh thải ra môi trường.
Thông tin bổ sung	: Không sử dụng lại các bình chứa rỗng.

MỤC 14: Thông tin khi vận chuyển

Phù hợp với IMDG / IATA / UN RTDG

IMDG	IATA	UN RTDG
14.1 Số hiệu UN		
Sản phẩm không gây nguy hiểm trong việc vận chuyển theo quy định hiện hành.		
14.2 Công ty vận chuyển		
Không theo quy định	Không theo quy định	Không theo quy định
14.3 Phân loại nguy hiểm cho việc vận chuyển		
Không theo quy định	Không theo quy định	Không theo quy định
14.4 Phân nhóm đóng gói		
Không theo quy định	Không theo quy định	Không theo quy định
14.5 Nguy cơ môi trường		
Không theo quy định	Không theo quy định	Không theo quy định

Azo-Core TBF 20-60

Phiếu An toàn Hóa chất

theo Thông tư 17/2022/TT-BCT

IMDG	IATA	UN RTDG
Không có thông tin bổ sung		

14.6. Vận chuyển trong tàu lớn

Không áp dụng được

14.7. Những cảnh báo đặc biệt mà người sử dụng cần lưu ý, cần tuân thủ trong vận chuyển

UN RTDG

Không theo quy định

IMDG

Không theo quy định

IATA

Không theo quy định

MỤC 15: Thông tin về pháp luật

15.1. Các thông tin pháp luật về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với hóa chất

Luật hóa chất		
Việt Nam Phụ lục I: Danh Mục Hóa Chất Sản Xuất, Kinh Doanh Có Điều Kiện Trong Lĩnh Vực Công Nghiệp	Không có thông tin	
Việt Nam Phụ lục II: Danh Mục Hóa Chất Hạn Chế Sản Xuất, Kinh Doanh Trong Lĩnh Vực Công Nghiệp	Không có thông tin	
Việt Nam Phụ lục III: Danh mục hóa chất cấm	Không có thông tin	
Việt Nam Phụ lục IV: Danh mục hóa chất nguy hiểm phải xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất	Chứa (các) chất được liệt kê danh mục	Azo-Core TBF 20-60
Việt Nam Phụ lục V: Danh mục hóa chất phải khai báo	Chứa (các) chất được liệt kê danh mục	Azo-Core TBF 20-60

Danh Sách Hóa Chất (NCI)		
Danh Sách Hóa Chất (NCI)	Chứa (các) chất được liệt kê danh mục	Poly[oxy(methyl-1,2-ethanediyl)], alpha, alpha', alpha"-1,2,3-propanetriyltris[omega-hydroxy- (25791-96-2)

15.2. Các quy định quốc tế

Hiện chưa có thông tin bổ sung

MỤC 16: Các thông tin cần thiết khác

Công ty	: Azon USA Inc.
Phiên bản	: 1.0
Ngày phát hành	: 23/06/2025

Bản đầy đủ của các câu H:	
Acute Tox. Not classified (Inhalation:vapour)	Độc tính cấp (hít phải:hơi nước) Không được phân loại
Aquatic Acute Not classified	Nguy hiểm đối với môi trường dưới nước – Nguy hiểm cấp tính Không được phân loại
Aquatic Chronic Not classified	Nguy hiểm đối với môi trường dưới nước – Nguy hiểm mãn tính Không được phân loại

Azo-Core TBF 20-60

Phiếu An toàn Hóa chất

theo Thông tư 17/2022/TT-BCT

Bản đầy đủ của các câu H:	
Độc cấp tính 5 (Da)	Độc tính cấp tính (da), Nhóm 5
Độc cấp tính 5 (Miệng)	Độc tính cấp tính (miệng), Nhóm 5
Flam. Liq. Not classified	Chất lỏng dễ cháy Không được phân loại
STOT RE Not classified	Độc tính đối với cơ quan đích cụ thể (tiếp xúc lặp lại) Không được phân loại
H303	Có thể có hại nếu nuốt phải
H313	Có thể có hại khi tiếp xúc với da

Phiếu An toàn Hóa chất (SDS), Việt Nam

Các thông tin trong phiếu dữ liệu an toàn trên được thực hiện dựa trên hiểu biết của chúng tôi để phục vụ cho sức khỏe, an toàn và môi trường. Các thông tin trên không thể được nhầm lẫn với bất kì đảm bảo nào cho bất kì đặc tính nào của sản phẩm.